

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TKD21B2** Năm học: **21-22**
Mã môn học/ Mô đun: **MH04289** Học kỳ: **01**
Tên môn học/ Mô đun: **Tiếng Anh**
Số tín chỉ: **4**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1					Hệ số 2					ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	21BTKD0108	Nguyễn Thị Ngọc Cẩm	24/08/2006			0	0	5	0	0				0.0	0.0	0.5
2	21BTKD0109	Nguyễn Thị Hương Dương	16/09/1999			9	9	9.5	9	10				8.6		8.9
3	21BTKD0110	Ngô Nguyễn Đình	11/06/2006			0	0	0	0	0				0.0	0.0	0.0
4	21BTKD0111	Quách Kim Hương	27/11/2004			0	0	0	0	0				0.0	0.0	0.0
5	21BTKD0112	Trần Quang Khải	27/12/2006			0	0	0	0	0				0.0	0.0	0.0
6	21BTKD0113	Nguyễn Vĩ Khang	06/01/2006			7	8	7	9.5	5				8.2		7.8
7	21BTKD0114	Dương Phước Lập	20/04/2006			0	0	0	0	0				0.0	0.0	0.0
8	21BTKD0115	Bùi Thị Diễm My	02/06/2005			0	0	0	0	0				0.0	0.0	0.0
9	21BTKD0116	Nguyễn Văn Nhân	28/10/2006			0	0	0	0	0				0.0	0.0	0.0
10	21BTKD0117	Âu Thị Tuyết Nhi	16/12/2006			0	0	0	0	0				0.0	0.0	0.0
11	21BTKD0118	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	10/12/2006			7	7	7	9.5	10				5.4		6.6
12	21BTKD0119	Lê Thị Ngọc Nhiên	12/06/2005			0	0	0	0	0				0.0	0.0	0.0
13	21BTKD0120	Lê Phước Sang	27/01/2006			7	7	7	3	5				0.0	0.0	2.2
14	21BTKD0121	Lê Thị Phương Thảo	23/06/1990			8	9	8.5	9.5	9.5				7.0		7.8
15	21BTKD0122	Phan Thị Kim Tiền	06/05/2006			0	0	0	0	0				0.0	0.0	0.0
16	21BTKD0123	Lê Trung Tính	30/09/1999			9	9	9.5	10	9.5				7.6		8.4
17	21BTKD0124	Trần Thị Huỳnh Trang	30/12/1996			9	9	8	9	9				5.8		7.0
18	21BTKD0125	Trịnh Anh Tuấn	24/09/2006			0	0	0	0	0				0.0	0.0	0.0
19	21BTKD0126	Nguyễn Ngọc Tường Vy	30/08/2006			9	9	5.5	9.5	10				4.0		5.8
20	21BTKD0127	Nguyễn Thị Ngọc Yến	26/06/2006			0	0	0	0	0				0.0	0.0	0.0
21	21BTKD0573	Phạm Vương Thanh Mai	06/11/1999			9	8	10	10	10				0.0	0.0	3.9
22	21BTKD0574	Trương Minh Nhựt	20/12/2003			0	0	0	0	0				0.0	0.0	0.0
23	21BTKD0580	Nguyễn Thị Hải Yến	26/10/1981													M

Châu Đốc, ngày 28 tháng 9 năm 2022

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Lê Viết Phú